

Quyn s hũ tr tũ l g, n c v tr g trng kng dnng thũng mại m Híp đnh thũng mại Vĩt Mĩ dnng hũn m t chũng II cho vũn đũ nũy. Hũy bũo hũ quyn s hũ tr tũ l m t trng đũu kũn tũn quũt củ qũ trũng Trũng Quũc gĩa nhũp Tũ chũc Thũng mại quũc tũ.

gĩa và chủ tác phẩm. Tác phẩm được hiểu ở đây là các tác phẩm văn học nghệ thuật, khoa học bao gồm: tác phẩm viết, các bài giảng, bài phát biểu, tác phẩm sân khấu và các loại hình biểu diễn nghệ thuật khác, tác phẩm điện ảnh, audio, video nghe nhìn, tác phẩm phát thanh và truyền hình, tác phẩm báo chí, tác phẩm âm

nhĩa là tác phẩm được bảo hộ không phụ thuộc vào chất lượng của chúng. Bản chất của quyền tác giả là ngăn ngừa các đối tượng không được tùy tiện sao chép tác phẩm.

2. Vai trò của quyền sở hữu trí tuệ đối với kinh doanh

Quyền sở hữu trí tuệ thường được nhìn nhận ở khía cạnh pháp luật, nhưng thực chất nó liên quan đến khía cạnh kinh doanh nhiều hơn, nó là một phần không thể thiếu trong sự phát triển kinh doanh. Quyền sở hữu trí tuệ có vai trò thúc đẩy cạnh tranh và khuyến khích sáng tạo. Nó là một tài sản kinh doanh thiết yếu. Không giống như các tài sản hữu hình khác như nhà xưởng, trang thiết bị, phương tiện sản xuất kinh doanh, quyền sở hữu công nghiệp là một loại tài sản vô hình gắn liền với uy tín của cơ sở sản xuất kinh doanh thông qua việc bảo hộ các đối tượng có chức năng nhận dạng như nhãn hiệu hàng hóa, tên thương mại. Chúng ta biết các sản phẩm giải khát có tiếng trên thế giới với nhãn hiệu uy tín Coca-Cola, Heneiken, hay như của Việt Nam có Tribeco, Sapuwa, Hoà Bình, Chương Dương. Người sản xuất, người tiêu dùng nhận biết được hàng hóa của một cơ sở sản xuất chủ yếu căn cứ vào các dấu hiệu phân biệt như kiểu dáng sản phẩm, nhãn hiệu, tên gọi gắn trên hàng hóa. Khi sản phẩm hàng hóa có những đặc tính, uy tín nhất định thì các dấu hiệu này luôn là đối tượng dễ bị bắt chước, làm nhái với mục đích gây nhầm lẫn cho người sử dụng, tiêu dùng về nguồn gốc thương mại của sản phẩm, hàng hóa. Việc bảo hộ nhãn hiệu, tên thương mại, tên gọi xuất xứ hàng hóa, chỉ dẫn địa lý, kiểu dáng công nghiệp sẽ giúp cho việc bảo vệ uy tín của sản

1. Khái niệm cơ bản

Sở hữu trí tuệ có thể được định nghĩa như các sáng tạo của trí tuệ mà đối với chúng nhà nước dành cho các cá nhân sự kiểm soát độc quyền trong một thời hạn nhất định nhằm ngăn ngừa sự khai thác đối tượng một cách bất hợp pháp. Sở hữu trí tuệ thường được hiểu gồm hai phần: "Sở hữu công nghiệp", "Quyền tác giả và các quyền kế cận". Trong Hiệp định thương mại Việt Mỹ quyền sở hữu trí tuệ bao gồm quyền tác giả và các quyền liên quan, nhãn hiệu hàng hóa, sáng chế, thiết kế mạch tích hợp, tín hiệu thông tin mang chương trình mã hóa, bí mật thương mại (thông tin bí mật), kiểu dáng công nghiệp và quyền đối với giống thực vật. Trong khi đó pháp luật Việt Nam hiện nay, quyền sở hữu trí tuệ chưa bao gồm các quyền về thiết kế mạch tích hợp, tín hiệu thông tin mang chương trình mã hóa, giống thực vật. Những nội dung này còn đang trong giai đoạn soạn thảo trình phê duyệt.

Quyền sở hữu công nghiệp ở Việt Nam bao gồm các đối tượng sau đây: sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa, tên gọi xuất xứ hàng hóa là 5 đối tượng chỉ phát sinh quyền nếu đi đăng ký. Còn 4 đối tượng bao gồm bí mật thương mại, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại, quyền chống cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến sở hữu công nghiệp thì tự động được xác lập khi có đủ điều kiện do pháp luật qui định, không cần phải đăng ký như 5 đối tượng kể trên. Bản chất của quyền sở hữu công nghiệp là bảo hộ nội dung ý tưởng sáng tạo, chống lại việc khai thác bất hợp pháp ở qui mô công nghiệp.

Quyền tác giả liên quan đến việc bảo hộ và khai thác cách thể hiện các ý tưởng ở dạng hữu hình. Quyền tập trung vào các bảo hộ quyền của tác

nhạc, tác phẩm kiến trúc, tác phẩm tạo hình và mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm nhiếp ảnh, công trình khoa học, sách giáo khoa, giáo trình, phần mềm máy tính, các bức họa đồ, bản vẽ, sơ đồ, bản đồ có liên quan đến địa hình, kiến trúc, công trình khoa học, tác phẩm dịch, phóng tác, cải biên, chuyển thể, biên soạn, chú giải, tuyển tập, hợp tuyển và tác phẩm khác. Tác phẩm được bảo hộ phải là bản gốc dưới một dạng vật chất cụ thể. Như vậy để được bảo hộ như quyền tác giả, các ý tưởng phải được thể hiện dưới một dạng vật chất nhất định ví dụ tiểu thuyết dưới dạng tác phẩm nói thu bằng băng cát set, hay một đoạn của tiểu thuyết được thể hiện thông qua hình thức kể chuyện có nhiều người nghe. Điều này có nghĩa là bản gốc phải được tạo ra bằng chính lao động của nhà sáng tạo. Quyền tác giả không bảo hộ nội dung ý tưởng có



phẩm, chống lại các hành vi giả mạo và cạnh tranh không lành mạnh khác như quảng cáo không trung thực giữa Kotex white và Whisper, giữa Omo và Tide...

Quyền sở hữu công nghiệp gắn liền với độc quyền khai thác thị trường về một sản phẩm hoặc dịch vụ nhất định như xe gắn máy Honda, máy ảnh Olympus, đàn organ Yamaha, xe hơi Toyota... Nguyên tắc bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp là dành cho chủ sở hữu quyền độc quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp đã được bảo hộ nhằm mục đích kinh doanh. Có nghĩa là nhờ đạt độc quyền khai thác đối tượng sáng tạo của mình, chủ sở hữu quyền có khả năng lập chiến lược phân phối và kiểm soát thị trường cho sản phẩm của mình một cách hợp lý. Một công ty có sản phẩm mới hoặc công nghệ mới, bằng việc đưa ra sản phẩm sử dụng thuận lợi hơn với giá thấp, có thể giành được vị trí thuận lợi so với đối thủ cạnh tranh và giành được thắng lợi trong cuộc tranh giành thị trường. Như các sản phẩm của công ty bánh kẹo Kinh đô, công ty bánh kẹo Biên hòa, các sản phẩm nhựa của Nhựa Sài Gòn, Vạn dat, bút bi Thiên long, Hanson. Văn bằng bảo hộ cấp cho các giải pháp kỹ thuật mới như bằng độc quyền sáng chế, bằng độc quyền giải pháp hữu ích là một công cụ hữu hiệu để chống lại sự chiếm đoạt bất chính thành quả đầu tư tài chính và sáng tạo của mình từ phía các đối thủ cạnh tranh.

Quyền sở hữu công nghiệp gắn liền với việc chuyển giao công nghệ. Công nghệ mới thường là các giải pháp kỹ thuật mới có tính sáng tạo, được cấp bằng độc quyền theo cơ chế bảo hộ sáng chế. Trong chuyển giao công nghệ người được chuyển giao muốn tiếp thu giải pháp kỹ thuật được bảo hộ sáng chế trước tiên phải được chuyển giao quyền sử dụng tức là quyền khai thác công nghệ trong một thời hạn, lãnh thổ với những hạn chế, ràng buộc nhất định về nghĩa vụ. Để bảo vệ uy tín của công nghệ, của chất lượng sản phẩm do công nghệ tạo ra, đồng thời lại muốn doanh số tiêu thụ sản phẩm này ngày càng gia tăng để làm căn cứ tính bản quyền thì quá trình chuyển giao công nghệ thường đi kèm với chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu như sản phẩm nhang trừ muỗi Mosfly của công ty Vipesco được chuyển giao từ công nghệ và nhãn hiệu của Malaysia, sản phẩm áo may sẵn Pierre Cardin của công ty may thêu An Phước có được từ chuyển giao công nghệ và nhãn hiệu của Pierre Cardin, hay sản phẩm bia Tiger của nhà máy bia Việt Nam là kết quả của việc chuyển giao công nghệ và nhãn hiệu của Singapore.

Quyền sở hữu công nghiệp có ý nghĩa quan trọng hoạt động xuất nhập khẩu. Các văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp chỉ có giá trị trong một phạm vi lãnh thổ nhất định, thông thường là lãnh thổ quốc gia. Do đó khi muốn xuất, nhập hàng hóa vào lãnh thổ quốc gia khác các doanh nghiệp phải lưu ý mở rộng phạm vi bảo hộ của văn bằng hoặc phải kiểm tra xem hàng hóa mà mình kinh doanh hoặc có ý định kinh doanh có vi phạm quyền sở hữu của người khác không nếu không sẽ phải chịu những hậu quả pháp lý, kinh tế không lường trước được, có khi dẫn đến phá sản, tù tội. Ví dụ Hiệp định thương mại Việt Mỹ sẽ là cơ sở để giải quyết các tranh chấp quyền lợi phát sinh do khai thác đối tượng sở hữu công nghiệp khi pháp luật của hai quốc gia có những điểm khác biệt trong việc xử lý các hàng hóa của Mỹ và Việt Nam xuất nhập khẩu vào thị trường hai nước. Hay công ước Paris về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp mà Việt Nam là một thành viên cũng là cơ sở pháp lý tương tự giữa Việt Nam và các nước thành viên khác của Công ước.

Quyền sở hữu trí tuệ là biện pháp bảo đảm đầu tư quan trọng kể cả đầu tư trong nước và nước ngoài. Một trong các yếu tố mà nhà đầu tư tính toán là khả năng kiểm soát thị trường phân phối và tiêu thụ sản phẩm. Muốn như vậy nhà đầu tư không thể không quan tâm đến quyền sở hữu trí tuệ. Nó sẽ là rào cản hữu hiệu khi xuất hiện các cạnh tranh không lành mạnh, các hoạt động nhập khẩu, làm hàng giả. Trước sự tấn công đó, các sản phẩm, dịch vụ do đầu tư đem lại thật sự tồn tại và có chỗ đứng trên thị trường chỉ khi quyền sở hữu trí tuệ được bảo hộ, thực thi có hiệu quả. Và như vậy quyền sở hữu trí tuệ đã giúp doanh nghiệp thực hiện tốt kế hoạch phân phối sản phẩm, kế hoạch chiếm lĩnh thị trường. Quyền sở hữu trí tuệ là tài sản có giá trị trong liên doanh liên kết. Nhờ giá trị có được từ nội dung kinh tế của giải pháp kỹ thuật được bảo hộ, từ tiềm năng khai thác thương mại của kết quả sáng tạo mà quyền sở hữu trí tuệ được xác định giá trị và trở thành tài sản góp vốn khi liên kết, liên doanh sản xuất, phân phối sản phẩm. Ví dụ như một số nhãn hiệu của doanh nghiệp Việt Nam đã được xác định giá trị tới vài triệu đô la và dùng để góp vốn liên doanh như nhãn hiệu VISO cho sản phẩm bột giặt, nhãn hiệu P/S cho sản phẩm kem đánh răng. Hay nhãn hiệu Heineken, Tiger người tiêu thụ Việt Nam khi sử dụng 1 sản phẩm phải trả tiền bản quyền nhãn hiệu, công nghệ tới 3% giá bán tịnh. Như vậy có thể

nói trong bối cảnh tự do thương mại hiện nay, quyền sở hữu trí tuệ nói chung và quyền sở hữu công nghiệp nói riêng ngày càng trở nên quan trọng và liên quan chặt chẽ tới hoạt động thương mại. Nó trở thành nghĩa vụ quốc tế của hầu hết các quốc gia trên thế giới. Cùng với sự ra đời của hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (Hiệp định TRIPS) trong khuôn khổ của tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), nghĩa vụ bảo hộ những quyền tài sản quan trọng của các quyền sở hữu trí tuệ hay nói cách khác là tạo cơ chế khai thác thương mại các quyền này là điều kiện tiên quyết đối với các nước thành viên tổ chức WTO và các nước muốn trở thành thành viên.

3. Một số vấn đề về bảo hộ sở hữu trí tuệ ở Việt Nam

Ở Việt Nam vấn đề bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đã được pháp luật điều chỉnh từ những năm 81 và năm 1997 vấn đề này đã được đưa vào thành một nội dung của Bộ luật Dân sự (phần 6), là văn bản pháp lý cao nhất từ trước tới nay. Dưới Bộ Luật dân sự là các nghị định của Chính phủ, thông tư của các Bộ ngành hướng dẫn chi tiết cụ thể việc thực thi các điều luật nói trên. Có hai cơ quan chuyên môn quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ ở Việt Nam đó là Cục Sở hữu công nghiệp thuộc Bộ khoa học công nghệ và môi trường và Cục bản quyền tác giả thuộc Bộ Văn hóa thông tin. Ở các địa phương có bộ phận quản lý hoạt động sở hữu công nghiệp nằm trong Sở KH-CN & MT. Riêng cơ quan Bản quyền tác giả không có bộ phận ở mỗi địa phương mà chỉ có chỉ nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh. Trong quan hệ quốc tế Việt Nam tham gia Công ước Paris về bảo hộ sở hữu công, Hiệp ước PCT về đăng ký sáng chế quốc tế, Thỏa ước Madrid về đăng ký nhãn hiệu quốc tế, Thỏa ước Locarno về kiểu dáng công nghiệp, và một số thỏa thuận quốc tế khác về gia nhập Tổ chức Sở hữu trí tuệ Thế giới (WIPO), thỏa thuận song phương giữa Mỹ và Việt Nam về Bản quyền tác giả, Hiệp định thương mại Việt Mỹ...

Trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp, số đơn đăng ký xác lập quyền trung bình trên dưới 10.000 đơn/năm. Trong đó khoảng 12% là đơn đăng ký sáng chế và giải pháp hữu ích, 11% đơn về kiểu dáng công nghiệp và 77% là đơn về nhãn hiệu hàng hóa.

Ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng đã hình thành kho thông tin tư liệu sáng chế hàng triệu bản của các nước phát triển Nga, Mỹ, Nhật và các tổ chức sáng chế khu vực châu Âu (EPO), ASEAN... Đây là nguồn dữ liệu kỹ thuật mới khổng lồ

4 PHÁT TRIỂN KINH TẾ

phục vụ cho việc xét cấp văn bằng độc quyền và đánh giá tình trạng kỹ thuật cho các quá trình nghiên cứu, triển khai, trao đổi, mua bán công nghệ, thiết kế sản phẩm mới.

Trong lĩnh vực bảo hộ quyền tác giả, tuy không cần phải đăng ký vẫn được bảo hộ nhưng số lượng các loại hình tác phẩm đăng ký quyền tác giả cũng gia tăng. Tuy nhiên so với hoạt động sở hữu công nghiệp thì lĩnh vực này còn quá mới trong hệ thống văn bản pháp luật, hệ thống quản lý và hoạt động khai thác, sử dụng quyền tác giả. Đến nay, các văn bản như thông tư hướng dẫn thi hành Nghị định 76/CP, văn bản xử phạt hành chính trong lĩnh vực quyền tác giả, văn bản về các đối tượng riêng như phần mềm máy tính, văn học nghệ thuật dân gian vẫn chưa được ban hành.

Nhìn chung Việt Nam còn nhiều vấn đề cần phải giải quyết nhằm khai thác khía cạnh thương mại của quyền sở hữu trí tuệ. Chế độ bảo hộ sở hữu trí tuệ ở Việt Nam mới hình thành và phát triển trong khoảng 20 năm gần đây nên còn rất mới mẻ đối với doanh nghiệp cũng như các nhà sáng tạo Việt Nam.

Cơ chế bảo hộ quyền đối với các đối tượng sáng tạo mới có được trong thời gian gần đây nên trong nhận thức của nhiều người vẫn còn tồn tại quan niệm sở hữu Nhà nước, sử dụng khai thác tập thể, miễn phí vì thế chưa có ý thức bảo vệ và khai thác hiệu quả các sản phẩm sáng tạo của mình như một tài sản thuộc quyền sở hữu cá nhân. Khái niệm bản quyền chưa được thông dụng trong việc chuyển giao, cấp phép khai thác thành quả sáng tạo.

Hình thức quản lý tập thể quyền tác giả (thông qua các tổ chức như hiệp hội) như cấp phép sử dụng, thu tiền bản quyền mang lại lợi ích cho tác giả, người sử dụng và công chúng chưa được quan tâm nghiên cứu và áp dụng.

Quan hệ giữa các viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp còn thiếu chặt chẽ trong hoạt động nghiên cứu ứng dụng do còn nặng tính bao cấp của Nhà nước. Nhiều công trình nghiên cứu tốn kém, chi phí lớn hiệu quả thấp, đôi khi còn nghiên cứu lại những giải pháp mà thế giới đã làm từ lâu.

Hệ thống tài liệu sáng chế của Việt Nam mới được cập nhật bổ sung nhưng hầu hết là bằng tiếng nước ngoài, cần tổ chức hoàn thiện các dạng dịch vụ cung cấp nguồn tài liệu này. Một số dịch vụ phục vụ nhu cầu khai thác thương mại ở Trung tâm thông tin khoa học công nghệ TP HCM mới ở dạng thử nghiệm, thiếu các công cụ tra cứu tương thích, hạn

chế việc truy cập thông tin.

Việt Nam còn thiếu những tổ chức có đủ năng lực làm đầu mối kết hợp giữa các viện nghiên cứu, các trường đại học và các doanh nghiệp để thực hiện tốt việc khai thác khía cạnh thương mại của quyền sở hữu trí tuệ. Ở thành phố Hồ Chí Minh, Sở khoa học công nghệ và môi trường đã chủ động hình thành chương trình liên kết giữa hiệp hội khoa học kỹ thuật, cơ quan quản lý khoa học, cơ quan chuyên môn về sở hữu công nghiệp và các nhà sản xuất, các doanh nghiệp thông qua hình thức Hội thi sáng tạo kỹ thuật hàng năm, chợ công nghệ giới thiệu quảng bá các sản phẩm sáng tạo của người Việt Nam... hội thi sáng tạo kỹ thuật được tổ chức mỗi năm một lần, đến nay đã tổ chức được 11 hội thi, thu hút khoảng 1200 giải pháp kỹ thuật tập trung giải quyết các vấn đề bức xúc của thành phố, quốc gia. Nhiều giải pháp kỹ thuật đạt giải cao của hội thi đã mở ra một hướng đi mới cho việc sản xuất kinh doanh như các giải pháp kỹ thuật về chế biến lương thực thực phẩm của Sincro, Bùi Văn Ngo, Công ty giống cây trồng, Võ Hoàng Liệt, Đại học nông lâm, các giải pháp về giống cây, giống con của Viện nông nghiệp miền Nam, "vịt siêu thịt, siêu trứng", cá ba sa, rô phi của Viện nuôi trồng thủy sản, nuôi của ghe xuất khẩu của Nguyễn Văn Quan, công ty Thanh Ứng... Hình thức chợ công nghệ đã tổ chức được nhiều lần, ở thành phố và các tỉnh lân cận. Kết quả có nhiều bản ghi nhớ, kết giao mua bán kỹ thuật, công nghệ được trao đổi. Hiện nay thành phố còn có các chương trình Hỗ trợ Doanh nghiệp về nghiên cứu sản xuất thiết bị chất lượng cao với chi phí thấp, áp dụng ISO, xuất khẩu quạt điện, xe đạp, v.v... Tuy nhiên các nội dung này chỉ mang tính định hướng, làm mẫu cho các tổ chức xã hội theo đó mà hình thành môi trường cạnh tranh hỗ trợ doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước không thể bao thầu làm thay từng việc cụ thể, chi tiết.

Việt Nam cũng còn thiếu các tổ chức có khả năng thực hiện việc xác định giá trị các tài sản sở hữu trí tuệ nhằm giúp các doanh nghiệp và các nhà sáng tạo có thể đàm phán với nhau một cách thuận lợi, tạo điều kiện thúc đẩy nhanh quá trình khai thác thương mại. Đặc biệt trong đàm phán, ký kết các hợp đồng với các đối tác nước ngoài. Hiện ở Việt Nam có khoảng gần 20 công ty, tổ chức được phép làm dịch vụ liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ. Tại sao lại phải được phép? Vì cũng như các lĩnh vực khác, khi làm dịch vụ về sở hữu trí tuệ các đơn vị này phải thi cử và đạt trình độ nghiệp vụ, chuyên môn về loại "tài

sản vô hình này" nhằm bảo vệ quyền lợi cho khách hàng, đảm bảo cạnh tranh lành mạnh và giảm tối đa các rủi ro nghề nghiệp có thể xảy ra. Thực tế các tổ chức dịch vụ này đã đóng góp không nhỏ vào kết quả của hoạt động sở hữu trí tuệ trong 10 năm qua. Hầu hết các doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả đều có phần tư vấn về sở hữu trí tuệ của các tổ chức này. Đó là các công ty Invenstip, Invenco, Phạm và Liên doanh, Trần Hữu Nam và đồng sự, Song Ngọc, Investconsult....

Trên cơ sở tình hình hoạt động sở hữu trí tuệ vừa qua, Sở Khoa học công nghệ và môi trường dự kiến một số giải pháp hoạt động như sau:

a. Chương trình hợp tác liên ngành: Là một chương trình tận dụng các nguồn lực của các cơ quan thực thi gồm toà án, công an, hải quan, quản lý thị trường, thanh tra, ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan sở hữu công nghiệp vào một mục tiêu chung là thúc đẩy hoạt động khai thác lành mạnh khía cạnh thương mại quyền sở hữu công nghiệp ngăn chặn và trừng trị thích đáng các vi phạm sở hữu công nghiệp (khai thác trái phép).

Nội dung của chương trình là:

- Trao đổi kinh nghiệm và kỹ năng xử lý vi phạm sở hữu công nghiệp

- + Thiết lập thứ tự ưu tiên trong việc áp dụng các biện pháp xử lý. Ưu tiên biện pháp xử lý hành chính - dân sự-hình sự.

- + Hình thành cơ chế phối hợp: phân trách nhiệm rõ ràng phạm vi xử lý của từng cơ quan, tránh xử lý trùng lặp, nhiều lần. Xác định mức độ phức tạp vụ việc để liên kết hỗ trợ xử lý, không mâu thuẫn triệt tiêu kết quả xử lý hay đùn đẩy nhau. Ví dụ như trình tự giải quyết các vụ hàng giả, hàng buôn lậu liên quan đến sở hữu công nghiệp thường do cơ quan công an tiến hành cùng với toà án. Các vụ đòi bồi thường thiệt hại, các vụ vi phạm sở hữu công nghiệp phức tạp đòi hỏi chỉ có toà án mới có đủ thẩm quyền giải quyết. Các vụ vi phạm khác chỉ tập trung vào việc ngăn chặn, răn đe, cảnh báo thì chỉ cần các biện pháp xử lý hành chính của cơ quan có thẩm quyền. Ngay cả khi xử lý hành chính hay xử lý tại toà án cũng cần phải có những cán bộ am hiểu nghiệp vụ về sở hữu công nghiệp, kỹ thuật có liên quan.

Tóm lại ở nội dung này các cơ quan thực thi sẽ thảo luận nhất trí đưa ra một trình tự phối hợp xử lý gồm từ khâu phát hiện hành vi, giám định chứng cứ, kết luận vi phạm, lập biên bản, tịch thu tang vật, xác định mức phạt, ra quyết định xử phạt, theo dõi, cưỡng chế thi hành quyết định

xử phạt.

Thiết lập thống nhất nguồn thông tin về hoạt động xử lý vi phạm. Các hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp rất đa dạng và tinh vi, do vậy việc vận dụng các qui định pháp luật trong xử lý ở từng tình huống là khác nhau. Cần thiết phải có hệ thống hóa các vụ việc xử lý nhằm rút kinh nghiệm và áp dụng tương tự cho thực tiễn xử lý cũng như phát hiện các sơ hở, thiếu chặt chẽ của văn bản pháp luật hiện hành để bổ sung, điều chỉnh.

• Giáo dục, phổ biến pháp luật:

Chúng ta biết một trong các nguyên nhân dẫn đến các hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đó là sự nhận thức hạn chế, không đầy đủ về pháp luật sở hữu công nghiệp. Do vậy phân chia đối tượng và tiến hành các hình thức giáo dục tuyên truyền thích hợp cho từng đối tượng cũng là một trong những hoạt động trọng tâm của quá trình thực thi. Chúng ta biết quyền sở hữu công nghiệp có giá trị thương mại, nên bên cạnh việc khuyến khích khai thác lãnh mạnh các giá trị đó sẽ phát sinh các hoạt động khai thác trái phép, không lành mạnh cần phải được nghiêm trị, cảnh cáo. Nội dung giáo dục phổ biến được chia theo nhóm đối tượng cụ thể sau:

+ Nhóm đối tượng là doanh nghiệp: phổ biến các pháp luật liên quan đến hình thành quyền và kỹ năng khai thác quyền, hậu quả pháp lý nếu xâm phạm quyền.

+ Nhóm đối tượng là tiểu thương, buôn bán: phổ biến các pháp luật liên quan đến hậu quả pháp lý nếu tiếp tay tiêu thụ, che giấu hàng giả, hàng vi phạm. Các quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến hoạt động chào bán, tàng trữ để bán các sản phẩm liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp.

+ Nhóm đối tượng là người tiêu dùng: phổ biến, cảnh báo các tác hại về tiêu dùng hàng vi phạm, kỹ năng phát hiện và báo cáo hàng vi phạm...

+ Nhóm cơ quan thực thi: các kiến thức cơ bản về pháp luật sở hữu công nghiệp và kỹ năng thực thi.

• Thống nhất trình tự thủ tục phối hợp xử lý vi phạm SHCN cho từng đối tượng:

b. Hình thành hệ thống hỗ trợ hoạt động sở hữu công nghiệp

• Hiệp hội nghề nghiệp: Là dạng tổ chức phi chính phủ có thể qui tụ các doanh nghiệp, cá nhân có chung hoạt động kinh doanh, nghề nghiệp như Hội công thương, Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật vào mục đích hợp tác, liên kết thực hiện các công việc vừa có lợi cho từng thành viên vừa đem lại lợi ích chung cho nghề nghiệp, ngành nghề. Đặc biệt trong điều kiện doanh nghiệp

Việt Nam vốn ít, điều kiện hoạt động còn nhiều hạn chế thì việc hỗ trợ nương tựa nhau cùng phát triển là rất cần thiết. Nội dung của hoạt động hỗ trợ phát triển SHCN trong doanh nghiệp là xây dựng hệ thống thông tin SHCN theo ngành nghề sẽ giúp cho các doanh nghiệp có được các thông tin cập nhật để xây dựng chiến lược phát triển của mình với chi phí thấp. Đó là việc hình thành thị trường khai thác lãnh mạnh quyền SHCN. (Cùng cạnh tranh bình đẳng khi tham gia các Hội thi giải pháp kỹ thuật, thiết kế sản phẩm mới, quảng cáo, xây dựng mạng lưới phân phối. . .) Đó là việc hợp tác chống vi phạm (hướng dẫn phân biệt hàng thật hàng giả, hàng kém phẩm chất, cùng cam kết không sử dụng trái phép quyền SHCN, chủ động tích cực ngăn ngừa và tiến hành các biện pháp xử lý có hiệu quả các hành vi xâm phạm)

• Tư vấn sở hữu trí tuệ

Trong phần khảo sát cho thấy hoạt động dịch vụ tư vấn là rất cần thiết và có tác động quan trọng đối với việc hình thành, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp. Dịch vụ tư vấn SHTT là nghề chuyên môn đặc biệt không phải ai cũng làm được mà phải có một số kỹ năng cần thiết mà một luật sư hay nhà tư vấn thông thường khác không có, đó là sự kết hợp giữa kỹ năng kỹ thuật, nghiệp vụ và kiến thức pháp luật cũng như khả năng sử dụng nhuần nhuyễn hai kỹ năng này với nhau. Sự thông thạo này sẽ làm tăng cơ hội cạnh tranh cho khách hàng của nghề tư vấn SHTT khi có các nhu cầu khai thác và bảo hộ quyền SHTT. Cụ thể họ thường phải trả lời cho khách hàng các câu hỏi "Có khả năng bảo hộ hay không? Hành vi này có xâm phạm hay không? Các điều kiện cần, đủ cho việc chuyển giao, mua bán quyền? ..." Như vậy thị trường cạnh tranh đòi hỏi phải nhanh chóng hình thành đội ngũ tư vấn SHTT có tay nghề cao. Hoạt động tư vấn SHTT còn là sự kết nối nguồn lực sáng tạo, nguồn đầu tư-tài chính với doanh nghiệp. Với các kỹ năng thành thạo nhằm mục đích kinh doanh thu lợi. Tư vấn SHTT sẽ nhanh chóng phát hiện các kết quả sáng tạo có tiềm năng lợi nhuận, hướng dẫn thủ tục đăng ký bảo hộ, soạn thảo hợp đồng lixăng hay mua bán quyền SHTT, chứng minh cho các nhà đầu tư, tài chính thấy được lợi ích khi "đầu tư" vào khai thác quyền SHTT... Do vậy họ trở thành người "môi giới" tích cực cho hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh.

• Viện nghiên cứu, trường đại học.

Viện nghiên cứu, trường đại học là nơi tập trung nguồn lực sáng tạo.

Do vậy xây dựng hoạt động SHTT tại cơ quan nghiên cứu, giảng dạy là nhằm hỗ trợ việc hình thành các giải pháp kỹ thuật có khả năng bảo hộ sáng chế. Các sáng chế có giá trị sẽ tạo động lực phát triển kinh tế xã hội một cách nhanh nhất, tiết kiệm nhất. Bởi nó là hình thức kết hợp hài hòa giữa lợi ích kinh tế và phát triển công nghệ. Một trong những nội dung của hoạt động SHTT tại các cơ quan giảng dạy và nghiên cứu là xây dựng cơ chế chuyển giao kết quả sáng tạo. Có như vậy mới tạo cho đội ngũ các nhà khoa học, những người lao động trí óc sự chuyên tâm sáng tạo, sáng tạo những "sản phẩm" có giá trị, đồng thời khẳng định được địa vị xã hội của họ trong cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tránh được những lãng phí tốn kém khi nghiên cứu trùng lặp hay những sản phẩm "khoa học rơm".

4. Kết luận

Hoạt động sở hữu trí tuệ có vai trò và vị trí đặc biệt trong việc phát triển khoa học công nghệ và hiện đại hóa công nghiệp hóa nền kinh tế quốc gia. Thực trạng hoạt động sở hữu công nghiệp Việt Nam qua thực tiễn cho thấy:

- Các doanh nghiệp nào biết tổ chức hoạt động sở hữu trí tuệ có hiệu quả thì khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp tăng nhanh dẫn đến lợi nhuận tăng.

- Quyền sở hữu trí tuệ chỉ có thể trở thành vũ khí cạnh tranh sắc bén nếu hệ thống thực thi quyền có hiệu lực.

- Hệ thống thực thi quyền sở hữu trí tuệ chỉ có hiệu lực khi hệ thống văn bản pháp luật sở hữu công nghiệp hoàn chỉnh và bộ máy các cơ quan nhà nước có liên quan hoạt động có hiệu quả. Trước mắt trên cơ sở hệ thống văn bản sở hữu trí tuệ đã có, các bộ ngành, địa phương phải cụ thể hóa thành cơ chế phối hợp hoạt động chi tiết.

- Hoạt động chuyển giao công nghệ từ bên ngoài vào Việt Nam gắn liền với hoạt động sở hữu công nghiệp, cần được đầu tư nghiên cứu của các cơ quan quản lý về khoa học công nghệ nhằm hỗ trợ quá trình kinh doanh của doanh nghiệp.

Như vậy hoạt động sở hữu trí tuệ tác động mạnh mẽ đến quá trình kinh doanh của doanh nghiệp, biết tận dụng các lợi thế mà quyền sở hữu trí tuệ có khả năng mang lại cho doanh nghiệp chính là con đường phát triển có hiệu quả và ngắn nhất cho phép Việt Nam gia nhập nhịp sống chung của kinh tế khu vực, kinh tế thế giới, mở rộng xuất khẩu, hướng qui chế tới huệ quốc, không bị phân biệt đối xử trong quan hệ thương mại ■